

TH T NG CHÍNH PH C NG HÒA XÃ H ICH NGH A VI T NAM
c l p – T do – H nh phúc

S : 01/2012/Q -TTg

Hà N i, ngày 09 tháng 01 n m 2012

QUY T NH

V m t s chính sách h tr vi c áp d ng Quy trình th c hành s n xu t
nông nghi p t t trong nông nghi p, lâm nghi p và th y s n

TH T NG CHÍNH PH

C n c Lu t T ch c Chính ph ngày 25 tháng 12 n m 2001;

C n c Lu t An toàn th c ph m ngày 17 tháng 6 n m 2010;

Xét ngh c a B tr ng B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn,

QUY T NH:

i u 1. Ph m vi i u ch nh

Quy t nh này quy nh m t s chính sách h tr i v i s n xu t, s ch các s n ph m nông lâm th y s n áp d ng Quy trình th c hành s n xu t nông nghi p t t.

i u 2. i t ng áp d ng

T ch c, cá nhân, h gia ình s n xu t, s ch các lo i s n ph m nông lâm th y s n an toàn thu c Danh m c s n ph m c h tr do B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn và y ban nhân dân t nh, thành ph tr c thu c Trung ng quy nh.

i u 3. Gi i thích t ng

Trong Quy t nh này, các t ng d i ây c hi u nh sau:

1. Quy trình th c hành s n xu t nông nghi p t t bao g m VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices) do B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn ban hành và các tiêu chu n GAP khác, tiêu chu n nông nghi p h u c c B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn công nh n cho áp d ng (g i chung là VietGAP).

2. Áp dụng VietGAP là quá trình áp dụng VietGAP mà t trong hai c p sau:

a) Áp dụng các tiêu chí ch y u c a VietGAP liên quan n an toàn th c ph m và truy xu t ngu n g c c c th hóa trong Quy chu n k thu t, Quy nh v i u ki n b o m an toàn th c ph m (ATTP) i v i c s s n xu t, s ch và Quy chu n k thu t, Quy nh v i u ki n b o m an toàn i v i th c ph m (sau ây g i chung là Quy chu n k thu t);

b) Áp dụng toàn b các tiêu chí c a VietGAP liên quan n an toàn th c ph m, truy xu t ngu n g c, b o v môi tr ng và s c kh e cho ng i lao ng trong s n xu t, s ch s n ph m.

3. S n ph m an toàn là s n ph m nông lâm th y s n c ánh giá, ch ng nh n, công b là s n ph m c s n xu t, s ch phù h p v i Quy chu n k thu t ho c v i VietGAP.

i u 4. i u ki n i v i t ch c, cá nhân

T ch c, cá nhân, h gia ình s n xu t, s ch s n ph m nông lâm th y s n ph i có các i u ki n sau:

1. Áp dụng VietGAP trong s n xu t, s ch s n ph m;
2. Có h p ng tiêu th ho c ph ng án tiêu th s n ph m.

i u 5. M t s chính sách

1. Ngân sách nhà n c u t 100% kinh phí v i u tra c b n, kh o sát a hình, phân tích m u t, m u n c, m u không khí xác nh các vùng s n xu t t p trung th c hi n các d án s n xu t nông lâm th y s n áp dụng VietGAP do c p có th m quy n phê duy t.

2. Ngân sách nhà n c h tr

a) Không quá 50% t ng v n u t xây d ng, c i t o: ng giao thông, h th ng th y l i, tr m b m, i n h th , h th ng x lý ch t th i, h th ng c p thoát n c c a vùng s n xu t t p trung phù h p v i yêu c u k thu t VietGAP. Kinh phí h tr th c hi n theo Quy ch qu n lý u t và xây d ng;

b) Đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dự án cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sản phẩm an toàn; biên soạn, in ấn tài liệu, biên soạn, biên soạn các lớp đào tạo, tập huấn;

c) Hỗ trợ tài chính phí thuê đất canh tác nông nghiệp ảnh hưởng đến sản phẩm an toàn;

d) Áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM);

e) Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

3. Các tổ chức, cá nhân có dự án xuất sản xuất, sản phẩm áp dụng VietGAP ngoài các chương trình chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này còn thực hiện các chính sách hỗ trợ và ưu đãi khác theo các quy định hiện hành.

4. Chính tài chính:

a) Ngân sách trung ương ưu tiên, hỗ trợ thông qua các Dự án, Chương trình mục tiêu và áp dụng VietGAP và các Dự án, Chương trình mục tiêu khác có liên quan; kinh phí khuyến nông, kinh phí nghiên cứu khoa học.

Mục ưu tiên, hỗ trợ thực hiện ngân sách trung ương do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chính phủ ban hành các tài liệu, thành phần thực thu của Trung ương các cấp ưu tiên các địa phương, các cấp, chính sách hiện hành, sản phẩm ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ các chương trình, dự án của Trung ương và các nguồn vốn pháp khác, quy định mục hỗ trợ thực hiện cho các nội dung quy định tại Quy định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Ban hành các tài liệu, mục hỗ trợ ưu tiên; Danh mục sản phẩm mục tiêu địa phương hỗ trợ ngoài Danh mục sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành;

- b) Chịu trách nhiệm duy trì quy hoạch vùng sản xuất tập trung;
- c) Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm:

- a) Ban hành VietGAP, các Quy chuẩn kỹ thuật, Danh mục sản phẩm được hưởng ưu đãi; công nhận cho áp dụng các tiêu chuẩn GAP khác, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ;
- b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này;
- c) Bố trí kinh phí khuyến nông, kinh phí sản xuất khoa học công nghệ phân bón; lồng ghép các Dự án, Chương trình mục tiêu khác có liên quan hỗ trợ áp dụng VietGAP trên diện rộng;
- d) Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các Bộ, ngành có liên quan theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Quy định này.

4. Các Hiệp hội ngành hàng phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức vận động, tuyên truyền nâng cao sản xuất, sẵn sàng áp dụng VietGAP, nâng cao kinh doanh tiêu thụ sản phẩm an toàn.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2012 và thay thế Quy định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về mặt sản phẩm chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn năm 2015.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

N i nh n:

- Ban Bí thư Trung ương;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BC TW và phòng, chức năng tham mưu;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban chấp hành;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW M t tr n T qu c Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TT T, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b)

**KT. TH T NG
PHÓ TH T NG**

(*ã ký*)

Hoàng Trung H i